TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 04-01 -2018
V/v ly hôn giữa ông T và bà N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hải

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2017/QĐXX - ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 196X; ĐKHKTT: Số 31A, tổ 14 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 54/346 T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Cao Thị N, sinh năm 196Y; ĐKHKTT: Số 31A, tổ 14 phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 54/346 T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày: Ông và bà N xây dựng gia đình với

nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 297 ngày 03/12/1985 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận L, Hải Phòng.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa Thuận đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2006 đến nay hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà N không còn, mâu Tẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên ông T đề nghị Tòa án nhân dân quận Lê Chân giải quyết cho ông được ly hôn bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị D, sinh ngày 06/02/198U và Lê Minh Đ, sinh ngày 30/7/199N đến nay đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông đề nghị để hai vợ chồng ông tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Cao Thị N khai:

Bà thống nhất với lời khai của ông T về điều kiện kết hôn. Bà N thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xô xát. Bản thân bà đã nhiều lần khuyên giải ông T nhưng ông T không thay đổi. Thực tế từ năm 2006 đến nay, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay ông T có đơn xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn mà mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị D, sinh năm 198U và Lê Minh Đ, sinh ngày 30/7/199N đến nay đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai bà N trình bày trong trường hợp ly hôn, bà đề nghị để hai bên tự thỏa thuận nếu không thỏa thuận được bà sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/11/2017 bà có ý kiến: Vợ chồng bà có tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích khoảng 85 m2 tại địa chỉ số 54/346 T, phường V, quận L, Hải Phòng. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà đề nghị Tòa án chia tài sản trên theo hướng chia đôi mỗi người một nửa. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/12/2017 thì bà N thay đổi ý kiến trong trường hợp ly hôn, bà đề nghị để bà tự bán tài sản để vợ chồng tự phân chia với nhau, ông T cũng thống nhất ý kiến để hai bên tự thỏa thuận phân chia với nhau. Tại phiên tòa, bà N đề nghị Tòa án giải

quyết chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại địa chỉ số 54/346 T, phường V, quận L, Hải Phòng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho ông Lê Minh T được ly hôn bà Cao Thị N;

- Về con chung: Hai bên có 02 con chung là Lê Thị D, sinh năm 198U và Lê Minh Đ, sinh ngày 30/7/199N đến nay đều đã thành niên nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Lê Minh T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và biên bản làm việc ngày 07/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thể hiện bà N đang trú tại số 54/346 T, phường V, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa ông Lê Minh T và bà Cao Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Về hôn nhân:

Việc kết hôn giữa ông Lê Minh T và bà Cao Thị N tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều xác nhận là vợ chồng hòa thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu Tẫn. Từ năm 2006 đén nay, hai bên đã sống ly

thân. Nay ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, bà N không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng việc yêu cầu được ly hôn của ông T và yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng được đoàn tụ của bà N đều cần xem xét, tuy nhiên cũng xét vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm hạnh phúc và tình cảm đó phải được xuất phát từ cả hai bên. Từ năm 2006 đến nay hai bên đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn là phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương vì vậy yêu cầu của ông T được ly hôn với bà N là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai bên có 02 con chung là Lê Thị D, sinh năm 198U và Lê Minh Đ, sinh ngày 30/7/199N đến nay đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà N tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định, trước khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/12/2017, bà N đề nghị để bà tự bán tài sản để vợ chồng tự phân chia với nhau nên đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án mà sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Ông Lê Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Minh T và bà Cao Thị N.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai số 0004632 ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Ông Lê Minh T và bà Cao Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi Cục THADS Q.Lê Chân, HP;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nam Ninh